TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST Ngày 20-7-2022 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh T

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị M

Ông Vũ Văn K

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Đức H - Thư ký Toà án nhân dân quận N, thành phố H.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên tòa***: Ông Đoàn Đình H - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hằng N; nơi cư trú: Số 60/33 đường Chu V, phường L, quận N, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Hồng G; nơi ĐKHKTT: Số 3/30 đường N, phường M, quận N, thành phố H; hiện đang chấp hành án tại đội 20, phân trại 1 Trại giam TLC (địa chỉ: Xã M, huyện H, tỉnh B); vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/3/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Phạm Hồng G kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tuy không tổ chức lễ cưới nhưng đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Lê Lợi, quận N, thành phố H ngày 22/01/2019. Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã và anh G đã đi làm ăn xa nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2019. Sau khi vợ chồng sống ly thân, khoảng tháng 8/2019 anh G đi làm ăn xa; đến tháng 8/2020 chị N được biết anh Phạm Hồng G bị công an thành phố Đồng Xoài, tỉnh B bắt vì hành vi môi giới mại dâm và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh B xử phạt 04 năm tù về tội "Môi giới mại dâm". Hiện tại anh G đang chấp hành án tại đội 20, phân trại 1 Trại giam TLC (địa chỉ: Xã M, huyện H, tỉnh B). Trong thời gian anh G đi làm ăn xa và đi thi hành án, chị N không liên lạc và không thăm gặp anh nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không thể tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn càng trầm trọng. Hiện nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian chấp hành án của anh G còn dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Phạm Hồng G có hai con chung là Phạm Giang A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2018 và con Phạm Nguyễn Phúc L sinh ngày 27 tháng 3 năm 2020. Khi ly hôn, do anh G đang thi hành án tại trại giam nên chị N đề nghị tiếp tục nuôi hai con để đảm bảo điều kiện học tập, sinh hoạt cho các con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Giang không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày chị và anh Phạm Hồng G không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Hồng G hiện đang chấp hành án tại đội 20, phân trại 1 Trại giam TLC (địa chỉ: Xã M, huyện H, tỉnh B) nên trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Hồng G vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có bản tự khai gửi Tòa án, quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như chị N đã trình bày, anh chị kết hôn tự nguyện và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 22/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi, quận N, thành phố H theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị N có đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án, anh G đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Phạm Hồng G và chị Nguyễn Thị Hằng N có hai con chung. Anh G đang chấp hành án tại nơi giam giữ nên không thể nuôi các con được. Anh có nguyện vọng được nuôi con sau khi chấp hành án xong và sẽ làm đơn sau.

Về tài sản chung: Anh Phạm Hồng G trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh G được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do và đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh G. Do hai con chung là Phạm Giang A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2018 và con Phạm Nguyễn Phúc L sinh ngày 27 tháng 3 năm 2020 còn nhỏ và anh G đang chấp hành án tại trại giam nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Hồng G đăng ký hộ khẩu thường trú và trước khi thi hành án phạt tù cư trú trên địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Hồng G đang chấp hành án án tại đội 20, phân trại 1 Trại giam TLC (địa chỉ: Xã M, huyện H, tỉnh B) nên không có mặt tại trụ sở Tòa án để tham gia hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phạm Hồng G theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị N và anh G đã trình bày nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp theo quy định tại các điều 8, 9 của Luật Hôn nhân

và gia đình. Anh chị chung sống bình thường đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và anh chị sống ly thân từ tháng 7/2019, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Sau khi sống ly thân, anh G đi làm ăn xa, đến tháng 8/2020, anh G vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt tù về tội "Môi giới mại dâm". Hiện nay, anh Phạm Hồng G đang chấp hành án án tại đội 20, phân trại 1 Trại giam TLC (địa chỉ: Xã M, huyện H, tỉnh B). Kể từ khi anh G đi thi hành án phạt tù, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thời gian cải tạo của anh G còn dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh G đồng ý ly hôn với chị N. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Quá trình chung sống chị N và anh G có hai con chung như anh chị trình bày. Anh G trình bày hiện đang chấp hành án nên không thể có điều kiện nuôi con; chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con. Hội đồng xét xử xét thấy, hai con chung là Phạm Giang A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2018 và con Phạm Nguyễn Phúc L sinh ngày 27 tháng 3 năm 2020 đều còn nhỏ và anh G đang chấp hành án tại trại giam nên Hội đồng xét xử xét thấy quyết định giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế của các bên.

- Về việc chia tài sản:

[5] Chị N và anh G thống nhất trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn anh Phạm Hồng G.

2. Về việc nuôi con:

Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Phạm Hồng G hai con chung là Phạm Giang A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2018 và con Phạm Nguyễn Phúc L sinh ngày 27 tháng 3 năm 2020. Giao hai con chung Phạm Giang A và Phạm Nguyễn Phúc L cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị Hằng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hằng N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm Giang được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006633 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn Thị Hằng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Phạm Hồng G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường L, quận N, thành phố H (ĐKKH ngày 22/01/2019);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh T